
CÔNG TY CP KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	8 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản - Doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 ngày 20 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã bốn (04) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0300523755. Thay đổi lần thứ tư (04) gần đây nhất (ngày 23 tháng 12 năm 2009) về việc thay đổi cơ cấu, bổ sung cổ đông Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn Nhà nước - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Đại diện:	2.640.198	26.401.980.000	30,00
- Ông Đào Xuân Đức			
- Ông Nguyễn Anh Tùng			
- Ông Trương Tiến Dũng			
Đại diện vốn cổ đông:			
- Ông Trần Phát Minh	3.207.602	32.076.020.000	36,45
- Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5,68
- Các cổ đông khác	2.452.200	24.522.000.000	27,87
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 8) 37 541 810

Fax : (84 - 8) 38 754 808

Mã số thuế : 0 3 0 0 5 2 3 7 5 5

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	157 Hương Phú, phường 8, quận 8, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo phương thức hạch toán báo sổ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán, chế biến thủy hải sản;
- Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
- Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Sản xuất nước đá;
- Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
- Sản xuất, mua bán gas NH3;
- Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
- Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
- Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
- Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
- Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
- Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
- Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
- Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
- Cho thuê kho, bãi.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 28).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Giá trị quyền sử dụng đất tại xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đang được ghi nhận ở khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Vào đầu năm 2010, Công ty đã tiến hành chuyển giao quyền sử dụng cho Công ty cổ phần Sài Gòn - Cao Lãnh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Đào Xuân Đức	Chủ tịch	26 tháng 02 năm 2008	05 tháng 11 năm 2009
Ông Đào Xuân Đức	Ủy viên	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Đỗ Văn Vinh	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	31 tháng 7 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	30 tháng 10 năm 2009
Ông Nguyễn Văn Công Hậu	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	30 tháng 10 năm 2009
Ông Tạ Bá Thuyết	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	05 tháng 11 năm 2009	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Trưởng ban	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Nguyễn Anh Tùng	Trưởng ban	25 tháng 11 năm 2006	05 tháng 11 năm 2009
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	05 tháng 11 năm 2009	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Đỗ Văn Vinh	Tổng Giám đốc	25 tháng 11 năm 2006	31 tháng 7 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Công Hậu	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Nguyễn Doãn Đức	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 8 năm 2007	31 tháng 7 năm 2009
Ông Lê Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 4 năm 2008	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(đã ký và đóng dấu)

TRƯƠNG TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 5 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2010, từ trang 08 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

CƠ SỞ Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở hợp lý cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

HẠN CHẾ CỦA CUỘC KIỂM TOÁN

Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng thích hợp có liên quan đến việc hạch toán và trình bày khoản tài sản thiếu chờ xử lý thuộc chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác trên Báo cáo tài chính năm 2009 (Thuyết minh số V.09).

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết để đối chiếu, xác nhận công nợ của các đối tượng phản ánh trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009, cụ thể:

- Phải thu khách hàng	10.957.613.201	(Thuyết minh V.02);
- Trả trước cho người bán	4.534.040.020	(Thuyết minh V.03);
- Phải thu khác	11.178.229.609	(Thuyết minh V.04);
- Phải trả người bán	2.593.502.782	(Thuyết minh V.16);
- Người mua trả tiền trước	2.312.365.414	(Thuyết minh V.17);
- Phải trả phải nộp khác	8.079.493.621	(Thuyết minh V.21).

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ hạn chế nêu trên và các ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan khác trên Báo cáo tài chính năm 2009, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trình bày ở trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 194.698.236.759 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 104.874.276.769 VND, và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 182.881.781.417 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2009 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit)

(đã ký và đóng dấu)

(đã ký)

Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1057/KTV

Phạm Quốc Tuấn - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1205/KTV

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 5 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.983.716.076	332.472.656.701	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.344.016.578	12.067.504.230	
1. Tiền	111		6.344.016.578	12.067.504.230	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.584.063.186	146.511.597.339	
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	103.155.786.746	174.767.212.985	
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	11.750.345.259	26.003.395.970	
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	38.135.313.108	6.360.308.537	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(77.457.381.927)	(60.619.320.153)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	15.005.067.010	164.914.412.455	
1. Hàng tồn kho	141		16.595.671.814	171.954.446.882	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.590.604.804)	(7.040.034.427)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.050.569.302	8.979.142.677	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	29.747.848	36.846.180	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		273.680.691	5.025.986.981	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.08	10.656.154	10.656.154	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	8.736.484.609	3.905.653.362	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.165.819.402	86.572.631.254	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
II. Tài sản cố định	220		59.712.178.093	67.244.531.777	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	56.765.769.348	63.338.636.092	
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>86.501.605.194</i>	<i>88.158.175.287</i>	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(29.735.835.846)</i>	<i>(24.819.539.195)</i>	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.946.408.745	3.905.895.685	
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.300.000.000	-	
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.300.000.000	-	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259		-	-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.153.641.309	19.328.099.477	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	18.089.691.309	19.274.099.477	
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	63.950.000	54.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.149.535.478	419.045.287.955	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		289.824.033.826	464.178.615.553
I. Nợ ngắn hạn	310		288.865.497.493	464.175.010.822
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	220.248.376.660	315.243.097.279
2. Phải trả người bán	312	V.16	8.451.721.797	72.302.969.747
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	9.167.148.916	10.702.366.936
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	186.565.398	5.348.225.618
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2.663.987.554	1.721.790.738
6. Chi phí phải trả	316	V.20	1.540.161.486	2.814.497.440
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	46.607.535.682	56.042.063.064
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		958.536.333	3.604.731
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	467.133.333	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	491.403.000	3.604.731
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(104.674.498.348)	(45.133.327.598)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(104.874.276.769)	(45.382.306.019)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	(7.862.311)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	1.621.017.335	1.621.017.335
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	210.804.966	210.804.966
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	(194.698.236.759)	(135.214.128.320)
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		199.778.421	248.978.421
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.25	199.778.421	248.978.421
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.149.535.478	419.045.287.955

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2010

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	308.891.043.309	735.195.914.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.037.500.912	2.338.740.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	303.853.542.397	732.857.173.632
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	289.108.274.173	714.897.313.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.745.268.224	17.959.860.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.839.413.647	16.004.762.265
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	40.395.319.526	62.933.077.965
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.373.020.861	50.734.834.698
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	19.469.865.547	27.867.762.142
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	28.363.294.679	67.875.066.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(60.643.797.881)	(124.711.283.463)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	4.980.347.561	4.740.523.869
12. Chi phí khác	32		2.415.442.188	32.650.524
13. Lợi nhuận khác	40		2.564.905.373	4.707.873.345
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58.078.892.508)	(120.003.410.118)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		305.215.931	467.922.645
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(58.384.108.439)	(120.471.332.763)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2010

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.888.096.495	900.831.519.755
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02		(45.199.395.815)	(609.389.876.056)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.607.951.488)	(39.746.496.946)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(29.250.870.785)	(35.567.820.716)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.787.869.033)	(499.378.402)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		545.729.726.425	1.628.203.207.811
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(442.521.441.042)	(1.874.059.532.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		89.250.294.757	(30.228.376.607)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(512.835.772)	(8.816.297.260)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.275.454.545	-
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào Đ/vị khác	26		-	3.514.117.080
5. Tiền thu lãi ngân hàng	27		394.926.588	369.764.224
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(142.454.639)	(4.932.415.956)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31		443.821.962.996	863.701.194.918
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		(538.816.683.615)	(835.474.321.508)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	33		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		(94.994.720.619)	28.226.873.410
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.886.880.501)	(6.933.919.153)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	12.067.504.230	18.869.513.895
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		77.917.578	131.909.488
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	6.258.541.307	12.067.504.230

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2010

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
 Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
 Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán, chế biến thủy hải sản;
 - Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
 - Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
 - Chế biến nước mắm, nước chấm;
 - Sản xuất nước đá;
 - Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
 - Sản xuất, mua bán gas NH₃;
 - Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
 - Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
 - Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
 - Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
 - Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
 - Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
 - Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
 - Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
 - Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
 - Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
 - Cho thuê kho, bãi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2009 là năm tài chính thứ ba (03) của Công ty khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12
Thiết bị văn phòng	04 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 12

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả phải nộp khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu dài hạn, các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (Chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2008	: 16.977 VND/USD
	31/12/2009	: 17.941 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

16. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2009 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003, Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 26	Thông tin về các bên liên quan
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót
VAS 30	Lãi trên cổ phiếu

Ngoài các ảnh hưởng mà hiện Công ty đang phân tích đánh giá của các chuẩn mực kế toán mới nêu trên, trong năm không có sự thay đổi nào khác về chính sách kế toán tại Công ty.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	172.334.000	2.141.778.036
Tiền gửi ngân hàng	6.171.682.578	9.925.726.194
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>6.344.016.578</u>	<u>12.067.504.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng**

Đối tượng khách hàng phải thu là các tổ chức, pháp nhân có quan hệ mua hàng trong nước. Chi tiết công nợ phải thu tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	116.115.455	955.890.172
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	15.418.976.876	22.486.610.770
Xí nghiệp Chợ Lớn (*)	72.659.880.947	73.332.447.538
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	4.321.329.642	5.371.474.829
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	7.385.847.990	17.066.565.212
Xí nghiệp Chế biến Bình Thới	-	29.282.018.057
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	2.662.747.468	18.222.769.487
Xí nghiệp Nông hải sản	497.804.330	7.956.352.882
Trung tâm Thương mại APT	93.084.038	93.084.038
Cộng	<u>103.155.786.746</u>	<u>174.767.212.985</u>

(*) Trong đó khoản phải thu của Công ty cổ phần Bảo Vinh (trước đây là Công ty TNHH Bảo Vinh) tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50.793.016.862 VND. Đây là khoản công nợ phát sinh rủi ro trong việc thu hồi và đã được Trung tâm trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh hòa giải theo Quyết định số 04/2008/QĐ-TT-HGT ngày 29 tháng 10 năm 2008. Công ty đánh giá khoản công nợ khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng 100% trong năm tài chính 2008.

Các khoản phải thu khách hàng chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10.957.613.201 VND. Các khoản nợ phải thu khách hàng chưa được đối chiếu, xác nhận phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ dưới 1 năm	482.050.098
Công nợ từ 1 năm đến 2 năm	3.469.160.170
Công nợ từ 2 năm đến 3 năm	1.189.781.006
Công nợ trên 3 năm	5.816.621.927
Cộng	<u>10.957.613.201</u>

3. Trả trước cho người bán

Các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung cấp là các tổ chức, pháp nhân. Chi tiết công nợ tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	5.099.845.307	19.306.341.816
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	5.200.000.000	5.531.169.000
Xí nghiệp Chợ Lớn	244.725.000	-
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	64.841.401	64.841.401
Xí nghiệp Bình Thới	-	244.725.000
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	823.184.030	791.632.332
Xí nghiệp Nông Hải sản	200.624.248	64.686.421
Trung tâm Thương mại APT	117.125.273	-
Cộng	<u>11.750.345.259</u>	<u>26.003.395.970</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản trả trước cho người bán chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 4.534.040.020 VND. Các khoản nợ trả trước cho người bán chưa được đối chiếu, xác nhận phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ dưới 1 năm	915.323.030
Công nợ từ 1 năm đến 2 năm	3.180.286.547
Công nợ từ 2 năm đến 3 năm	22.729.408
Công nợ trên 3 năm	415.701.035
Cộng	<u>4.534.040.020</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	2.637.874.217	3.573.589.582
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	3.804.654.427	1.896.040.304
Xí nghiệp Chợ Lớn	2.251.414.311	77.764.882
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	480.641.437	399.214.570
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	8.535.270.151	-
Xí nghiệp Bình Thới	-	4.076.000
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	19.259.064.805	20.227.515
Xí nghiệp Nông hải sản	784.375.186	7.377.110
Trung tâm Thương mại APT	382.018.574	382.018.574
Cộng	<u>38.135.313.108</u>	<u>6.360.308.537</u>

Các khoản phải thu khác chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 11.178.229.609 VND. Các khoản nợ trả trước cho người bán phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ dưới 1 năm	86.551.797
Công nợ từ 1 năm đến 2 năm	-
Công nợ từ 2 năm đến 3 năm	4.932.927.249
Công nợ trên 3 năm	6.158.750.563
Cộng	<u>11.178.229.609</u>

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	1.793.981.901	1.182.298.220
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	6.244.380.588	602.382.077
Xí nghiệp Chợ Lớn	60.084.630.059	54.959.741.744
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	142.719.553	726.743.990
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	5.057.256.605	1.207.714.363
Xí nghiệp Bình Thới	-	893.195.506
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	3.087.168.968	-
Xí nghiệp Nông hải sản	571.641.641	571.641.641
Trung tâm Thương mại APT	475.602.612	475.602.612
Cộng	<u>77.457.381.927</u>	<u>60.619.320.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.883.384.764	5.726.561.770
Công cụ, dụng cụ	-	5.906.408
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.755.385.299	124.868.951.363
Thành phẩm	9.299.856.345	36.073.388.537
Hàng hóa	1.657.045.406	5.158.651.758
Hàng gửi đi bán	-	120.987.046
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	16.595.671.814	171.954.446.882
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.590.604.804)</u>	<u>(7.040.034.427)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>15.005.067.010</u>	<u>164.914.412.455</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động Công ty.

Số đầu năm	36.846.180
Tăng trong năm	1.227.081.198
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(1.086.840.562)
Kết chuyển giảm khác	<u>(147.338.968)</u>
Số cuối năm	<u>29.747.848</u>

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Khoản thuế xuất nhập khẩu nộp thừa còn phải thu.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	7.103.820.641	826.301.746
Tạm ứng	1.604.431.208	3.012.621.573
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>28.232.760</u>	<u>66.730.043</u>
Cộng	<u>8.736.484.609</u>	<u>3.905.653.362</u>

(*) Phát sinh tại Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản.

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	37.737.705.056	37.508.193.874	7.901.004.785	453.650.816	4.557.620.756	88.158.175.287
Tăng trong năm	219.090.909	580.269.036	-	41.363.636	15.678.500	856.402.081
<i>Mua sắm mới</i>	-	366.992.491	-	41.363.636	15.678.500	424.034.627
<i>Đầu tư XDDB hoàn thành</i>	-	213.276.545	-	-	-	213.276.545
<i>Tăng khác</i>	219.090.909	-	-	-	-	219.090.909

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giảm trong năm	-	(125.165.159)	(749.164.915)	(36.436.350)	(1.602.205.750)	(2.512.972.174)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(125.165.159)	(749.164.915)	(36.436.350)	(1.602.205.750)	(2.512.972.174)
Số cuối năm	37.956.795.965	37.963.297.751	7.151.839.870	458.578.102	2.971.093.506	86.501.605.194
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	2.787.621.219	506.592.407	28.633.846	-	3.322.847.472
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.627.125.344	13.529.309.010	3.570.909.547	220.809.170	2.871.386.124	24.819.539.195
Tăng trong năm	1.558.303.177	3.906.465.278	927.126.360	63.439.630	658.344.956	7.113.679.401
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.558.303.177</i>	<i>3.906.465.278</i>	<i>927.126.360</i>	<i>63.439.630</i>	<i>658.344.956</i>	<i>7.113.679.401</i>
Giảm trong năm	-	(125.165.159)	(646.905.085)	(36.022.939)	(1.389.289.567)	(2.197.382.750)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(125.165.159)</i>	<i>(646.905.085)</i>	<i>(36.022.939)</i>	<i>(1.389.289.567)</i>	<i>(2.197.382.750)</i>
Số cuối năm	6.185.428.521	17.310.609.129	3.851.130.822	248.225.861	2.140.441.513	29.735.835.846
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	33.110.579.712	23.978.884.864	4.330.095.238	232.841.646	1.686.234.632	63.338.636.092
Số cuối năm	31.771.367.444	20.652.688.622	3.300.709.048	210.352.241	830.651.993	56.765.769.348

Các cam kết về việc mua, bán, chuyển giao tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Toàn bộ tài sản nhà của tại Công ty đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng và tổ chức cho vay.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản chi phí xây dựng đầu tư công trình trại cá tại xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

12. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy sản Sài Gòn - Cao Lãnh.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất tại khu công nghiệp, chi phí thuê đào ao, chi phí thuê quầy chợ Bình Điền, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động Công ty.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	13.491.136.100	13.855.151.336
Tiền thuê đào ao và thuê quầy chợ Bình Điền	4.416.812.203	4.907.878.810
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	181.743.006	511.069.331
Cộng	18.089.691.309	19.274.099.477

14. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc tiền thuê mặt bằng cho Sài Gòn CO.OP và đặt cọc tiền bao bì cho Công ty cổ phần Bao bì giấy An Hạ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

Số tiền Công ty vay của các Ngân hàng và tổ chức nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	220.248.376.660	315.243.097.279
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	937.596.660	26.962.803.869
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch II.	-	130.685.228.944
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	68.899.923.740
Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	206.010.780.000	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	9.000.000.000	76.195.140.726
Công ty cổ phần Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	4.300.000.000	12.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	220.248.376.660	315.243.097.279

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Đối tượng cho vay	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã	
	<u>Số đầu năm</u>	<u>sinh trong năm</u>	<u>trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	315.243.097.279	443.821.962.996	538.816.683.615	220.248.376.660
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN. Bình Tây	26.962.803.869	22.251.308.919	48.276.516.128	937.596.660
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (CN. Sở giao dịch II)	130.685.228.944	4.000.000.000	134.685.228.944	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	68.899.923.740	4.999.993.740	73.899.917.480	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN. Chợ Lớn	-	206.915.522.728	904.742.728	206.010.780.000
Công ty TNHH QL&KTTS - NHTMCP Phương Nam	-	205.655.137.609	205.655.137.609	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	76.195.140.726	-	67.195.140.726	9.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	12.500.000.000	-	8.200.000.000	4.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Tổng cộng	315.243.097.279	443.821.962.996	538.816.683.615	220.248.376.660

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả người bán**

Các khoản còn phải trả cho các đối tượng là tổ chức, pháp nhân trong và ngoài nước có quan hệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Công ty. Chi tiết các khoản phải trả người bán tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	-	1.519.219.373
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	3.715.797.620	12.903.344.676
Xí nghiệp Chợ Lớn	1.928.263.378	3.491.836.133
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	909.604.540	2.497.283.311
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	1.523.987.996	5.162.854.895
Xí nghiệp Bình Thới	-	33.411.991.082
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	374.068.263	8.191.929.864
Xí nghiệp Nông hải sản	-	5.124.510.413
Cộng	<u>8.451.721.797</u>	<u>72.302.969.747</u>

Các khoản phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.593.502.782 VND. Các khoản nợ phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ từ 1 năm đến 2 năm	2.251.528.225
Công nợ từ 2 năm đến 3 năm	341.974.557
Cộng	<u>2.593.502.782</u>

17. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền nhận trước từ các cá nhân, tổ chức, pháp nhân để cung cấp dịch vụ, hàng hóa theo các cam kết đã thỏa thuận trước. Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước tại văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	4.224.925.937	3.934.830.939
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	3.422.940.371	6.038.264.169
Xí nghiệp Chợ Lớn	800.065.125	25.783.907
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	7.024.106	23.669.074
Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu	712.193.377	-
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	-	679.818.847
Cộng	<u>9.167.148.916</u>	<u>10.702.366.936</u>

Các khoản người mua trả tiền trước chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.312.365.414 VND. Các khoản nợ người mua trả tiền trước chưa được đối chiếu, xác nhận phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ dưới 1 năm	1.922.439.477
Công nợ trên 3 năm	389.925.937
Cộng	<u>2.312.365.414</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Thuế phải nộp Nhà nước</i>	<i>111.141.373</i>	<i>5.272.801.593</i>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	75.813.467	2.240.718.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.732.656	2.647.437.692
Thuế thu nhập cá nhân	4.669.330	102.455.059
Thuế tài nguyên	95.200	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	22.830.720	282.190.019
Thuế khác		
<i>Các khoản phải nộp khác</i>	<i>75.424.025</i>	<i>75.424.025</i>
Cộng	<u>186.565.398</u>	<u>5.348.225.618</u>

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế suất áp dụng:

- Hàng xuất khẩu	:	0%
- Hải sản qua sơ chế	:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, lưu kho	:	10%

Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm bao gồm hoạt động tự doanh và hoạt động nhận ủy thác nhập khẩu.

+ Thuế xuất, nhập khẩu

Thuế xuất, nhập khẩu phát sinh trong năm bao gồm các hoạt động tự doanh và nhận ủy thác nhập khẩu.

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Xem Thuyết minh số IV.13.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ ba (03) Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Năm 2009 Công ty không phải dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vì hoạt động chính của Công ty bị lỗ, tuy nhiên trong năm Công ty có phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động kinh doanh nhà hàng nộp theo phương pháp trực tiếp.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chính thức phải trích nộp khi có thanh quyết toán của Cơ quan thuế vụ.

+ Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương năm 2009 còn phải thanh toán cho người lao động.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	40.419.418	2.190.984.905
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	-	228.681.936
Xí nghiệp Chợ Lớn	-	4.632.907
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	248.903.868	134.333.315
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	1.250.838.200	152.300.551
Xí nghiệp Nông hải sản	-	103.563.826
Cộng	<u>1.540.161.486</u>	<u>2.814.497.440</u>

21. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	7.210.063	14.490.011
Kinh phí công đoàn	113.337.650	85.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	11.267.612.814	11.267.612.814
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.971.105.499	17.819.910.131
Cổ tức phải trả các cổ đông	2.059.613.900	2.067.886.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.188.655.756	24.787.163.708
Cộng	<u>46.607.535.682</u>	<u>56.042.063.064</u>

(*) Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 8.079.493.621 VND. Các khoản nợ phải trả, phải nộp khác chưa được đối chiếu, xác nhận phát sinh theo tuổi nợ như sau:

Công nợ dưới 1 năm	58.117.366
Công nợ từ 1 năm đến 2 năm	93.900.900
Công nợ từ 2 năm đến 3 năm	12.000.000
Công nợ trên 3 năm	7.915.475.355
Cộng	<u>8.079.493.621</u>

22. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ, ký cược của các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh doanh với Công ty.

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	3.604.731
Số trích lập trong năm	579.568.767
Tặng khác	436.944.000
Số chi trong năm	(528.714.498)
Cộng	<u>491.403.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	-	-	-	(6.405.592.874)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	1.621.017.335	210.804.966	(2.464.237.198)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	(2.948.000.000)
Thuế truy thu	-	-	-	-	(2.924.965.485)
Lỗi tăng năm trước	-	-	-	-	(120.471.332.763)
Số dư cuối năm trước (Đầu năm nay)	88.000.000.000	-	1.621.017.335	210.804.966	(135.214.128.320)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	(7.862.311)	-	-	-
Lỗi năm nay	-	-	-	-	(58.384.108.439)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.100.000.000)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	(7.862.311)	1.621.017.335	210.804.966	(194.698.236.759)

(*) Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận giữ lại năm 2007.

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên Cổ đông sáng lập	Theo Giấy			
	chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp đến cuối năm	Tỷ lệ (%)
	Số cổ phần	Thành tiền		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2.640.198	26.401.980.000	26.401.980.000	100,00
Ông Trần Phát Minh	3.207.602	32.076.020.000	32.076.020.000	100,00
Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,00
Các cổ đông khác	2.452.200	24.522.000.000	24.522.000.000	100,00
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	88.000.000.000	100,00

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng	183.033.377	-	-	183.033.377
Quỹ phúc lợi	65.945.044	-	(49.200.000)	16.745.044
Cộng	248.978.421	-	(49.200.000)	199.778.421

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	308.891.043.309	735.195.914.455
- <i>Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm</i>	261.004.935.425	693.651.503.874
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	47.886.107.884	41.544.410.581
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.037.500.912	2.338.740.823
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	4.800.573.724	2.191.321.233
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	172.957.388	49.825.600
- <i>Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)</i>	63.969.800	97.593.990
Doanh thu thuần	<u>303.853.542.397</u>	<u>732.857.173.632</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	255.967.434.513	691.312.763.051
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	47.886.107.884	41.544.410.581

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã cung cấp	251.635.306.876	682.392.933.916
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.472.967.297	32.504.379.160
Cộng	<u>289.108.274.173</u>	<u>714.897.313.076</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	394.926.588	369.764.224
Lãi cho vay trả chậm hộ nuôi trồng	10.932.306.586	7.031.199.466
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.511.559.413	8.026.549.784
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	575.403.571
Doanh thu hoạt động tài chính khác	621.060	1.845.220
Cộng	<u>12.839.413.647</u>	<u>16.004.762.265</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	39.373.020.861	50.734.834.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.015.190.665	12.198.243.267
Chi phí tài chính khác	7.108.000	-
Cộng	<u>40.395.319.526</u>	<u>62.933.077.965</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.961.459.290	7.694.437.384
Chi phí vật liệu bao bì	219.438.911	542.369.283
Chi phí công cụ, đồ dùng	320.057.063	487.698.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	960.127.225	896.152.565

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.333.646.053	15.297.935.217
Các chi phí bằng tiền khác	2.675.137.005	2.949.169.316
Cộng	19.469.865.547	27.867.762.142

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.298.820.708	6.673.803.548
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	256.305.640	171.288.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.994.386	581.725.430
Thuế, phí và lệ phí	545.436.799	498.280.219
Chi phí dự phòng	16.838.061.774	57.298.635.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.124.899.096	1.524.103.706
Các chi phí bằng tiền khác	698.776.276	1.057.364.519
Cộng	28.363.294.679	67.875.066.177

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền chuyển quyền sử dụng quầy bán hàng	-	3.514.117.080
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.275.454.545	-
Thu từ xử lý hàng thừa	275.387.067	-
Thu nhập khác	3.429.505.949	1.226.406.789
Cộng	4.980.347.561	4.740.523.869

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định	315.589.424	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	33.170.000	-
Chi xử lý công nợ	1.702.697.050	-
Chi phí khác	363.985.714	32.650.524
Cộng	2.415.442.188	32.650.524

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời lớn giữa cơ sở tính thuế giữa các khoản mục tài sản và nợ và giá trị ghi sổ của các khoản mục đó trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Khả năng hoạt động liên tục

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 194.698.236.759 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 104.874.276.769 VND, và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 182.881.781.417 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2009 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	57,24	79,34
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	42,76	20,66
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	156,54	110,25
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	(56,54)	(10,25)
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,64	0,91
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,37	0,72
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,03
Tốc độ chu chuyển vốn lưu động			
Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng/Lần	1,37	2,00

4. Thông tin khác

Năm tài chính 2009, Công ty xử lý và hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2010

(*đã ký*)

(*đã ký*)

(*đã ký và đóng dấu*)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc